

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Văn Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành.
2. Ông Ngô Xuân Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 567/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Tuyết M; địa chỉ: 48 đường P, phường D. H, thành phố P, tỉnh G.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Viết Ph; địa chỉ: Tổ X, phường I. K, thành phố P, tỉnh G.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Tuyết M trình bày:

Chị Trương Tuyết M và anh Nguyễn Viết Ph có tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014. Sau thời gian chung sống thì chị M và anh Ph thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống đến cuối năm 2015 anh chị đã không còn chung sống với nhau, không còn ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Ph.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị M và anh Ph có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Trúc V, sinh ngày 06-7-2014. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 01-10-2020 và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Viết Ph trình bày:

Anh Nguyễn Viết Ph và chị Trương Tuyết M có tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống thì anh chị thường xuyên có những mâu thuẫn nên từ cuối năm 2015 đến nay anh chị không còn chung sống với nhau nữa, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị M yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị M thì anh đồng ý, vì giữa hai anh chị đã không còn tình cảm, mỗi người đều đã có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Trúc V, sinh ngày 06-7-2014. Hiện cháu V đang sinh sống cùng với chị M.

Anh Ph đồng ý giao cháu Nguyễn Thanh Trúc V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-9-2020 của chị Trương Tuyết M thì chị và anh Nguyễn Viết Ph chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 [Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015](#). Trong vụ án, nguyên đơn chị Trương Tuyết M và bị đơn anh Nguyễn Viết Ph đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thành phố P, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Trương Tuyết M tại phiên tòa, căn cứ và bản tự khai và lời trình của anh Nguyễn Viết Ph tại phiên tòa. Thấy rằng, chị Trương Tuyết M và anh Nguyễn Viết Ph có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ những lời thừa nhận của các đương sự, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên Tòa án xác định chị Trương Tuyết M và anh Nguyễn Viết Ph không đăng ký kết hôn là sự thật. Mặt khác, trong thời gian chung sống, chị và anh Ph phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến cuộc sống không được hạnh phúc. Hiện nay chị M xác định không còn tình cảm đối với anh Ph, anh chị đã không sống chung được 05 năm nay và không thể hàn gắn lại được tình cảm. Đối với yêu cầu của chị M về việc không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh Ph đồng ý.

Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị M và anh Ph sống chung với nhau từ năm 2014 nhưng không có đăng ký kết hôn và đến nay quan hệ tình cảm giữa các bên thực sự không còn, anh chị đã không chung sống cùng nhau một thời gian dài, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Trương Tuyết M và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh Ph.

[3] Về con chung: Chị Trương Tuyết M và anh Nguyễn Viết Ph xác định trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thanh Trúc V, sinh ngày 06-7-2014. Hiện cháu V đang sống cùng chị M.

Xét nguyện vọng của chị M là muốn tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa anh Ph đồng ý giáo dục cháu V cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu V thành niên và có khả năng lao động. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị M là chính đáng, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Chị Trương Tuyết M và anh Nguyễn Viết Ph thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Trương Tuyết M và anh Nguyễn Viết Ph thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trương Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Viết Ph không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trương Tuyết M.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Tuyết M và anh Nguyễn Viết Ph.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh Trúc V, sinh ngày 06-7-2014 cho chị Trương Tuyết M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trương Tuyết M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005440 ngày 01-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; chị Trương Tuyết M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn là chị Trương Tuyết M và bị đơn là anh Nguyễn Viết Ph được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. P;
- Chi cục THA dân sự Tp.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

